

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-303 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-303 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice
District Court Division
Tại Hệ Thống Tòa An Công Lý
Phân Bộ Tòa An Khu Vực

_____ County
Quận/hạt _____

Name Of Plaintiff (Person Filing Complaint)
Tên của nguyên đơn (người nộp đơn khiếu tố)

COMPLAINT AND MOTION FOR
DOMESTIC VIOLENCE PROTECTIVE ORDER
ĐƠN KHIẾU TỐ VÀ KIẾN NGHỊ RA LỆNH
BẢO VỆ VÌ BẠO LỰC TRONG GIA ĐÌNH

VERSUS
KIẾN

Name And Address Of Defendant (Person Accused Of Abuse)
Tên và địa chỉ của bị cáo (người bị tố cáo có hành vi ngược đãi)

G.S. 50B-1, -2, -3, -4
G.S. 50B-1, -2, -3, -4

(Check only boxes that apply and fill in blanks. Additional sheets may be attached.)

(Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp và điền vào các chỗ trống. Quý vị có thể đính kèm thêm trang nếu cần.)

1. I live in _____ County, North Carolina.
1. Tôi sống ở Quận/hạt _____, North Carolina.
2. The defendant and I are spouses. are former spouses.
2. Bị cáo và tôi là vợ chồng. trước đây là vợ chồng.
 are persons of the opposite sex who are not married but live together or have lived together.
 là hai người khác giới đã hay đang chung sống với nhau nhưng không có giấy hôn thú.
 have a child in common.
 có con chung.
 are parent and child or grandparent and grandchild.
 là cha/mẹ và con hoặc ông/bà và cháu.
 are current or former household members.
 là hai người đã hay đang sống chung gia hộ.
 are persons of the opposite sex who are in or have been in a dating relationship.
 là hai người khác giới đã hay đang hẹn hò với nhau.
3. There is is not another court proceeding between the defendant and me pending in this or any other state. (List county, state, date, and what kind of proceeding, if applicable.)
3. Có Không có một thủ tục tòa án khác mà tôi và bị cáo đang chờ xét xử ở tiểu bang này hay bất cứ tiểu bang nào khác. (Cho biết tên quận/hạt, tiểu bang, ngày, và loại thủ tục nếu có.)
4. The defendant has attempted to cause or has intentionally caused me bodily injury; or has placed me or a member of my family or household in fear of imminent serious bodily injury or in fear of continued harassment that rises to such a level as to inflict substantial emotional distress; or has committed a sexual offense against me in that: (Give specific dates and describe in detail what happened.)
 4. Bị cáo đã cố gắng hay cố ý gây thương tích cho tôi; hoặc đã làm cho tôi hay một thành viên trong gia đình hay gia hộ của tôi cảm thấy sợ hãi là có thể bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt hoặc bị quấy nhiễu thường xuyên đến mức gây đau khổ tinh thần đáng kể; hoặc đã phạm tội tình dục đối với tôi, cụ thể như sau: (Cho biết các ngày tháng cụ thể và miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra.)
5. The defendant has attempted to cause or has intentionally caused bodily injury to the child(ren) living with me or in my custody; has placed my child(ren) in fear of imminent serious bodily injury or in fear of continued harassment that rises to such a level as to inflict substantial emotional distress; or has committed a sexual offense against the child(ren) in that: (Give specific dates and describe in detail what happened.)
 5. Bị cáo đã cố gắng hay cố ý gây thương tích cho (các) trẻ em sống chung với tôi hoặc thuộc quyền giám hộ của tôi; hoặc đã làm cho (các) con tôi cảm thấy sợ hãi là có thể bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt hoặc bị quấy nhiễu thường xuyên đến mức gây đau khổ tinh thần đáng kể; hoặc đã phạm tội tình dục đối với (các) con tôi, cụ thể như sau: (Cho biết các ngày tháng cụ thể và miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra.)

(Over)
(Xem mặt sau)

6. I believe there is danger of serious and immediate injury to me or my child(ren).
 6. Tôi tin rằng tôi hay (các) con của tôi đang gặp nguy cơ bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt.
7. (Check this block if you ask for temporary child custody.) The defendant and I are the parents of the following child(ren) under the age of eighteen.
 7. (Đánh dấu vào mục này nếu quý vị yêu cầu được giao quyền giám hộ con tạm thời.) Bị cáo và tôi là cha mẹ của (các) trẻ em dưới mười tám tuổi có tên dưới đây.

**A COPY OF "AFFIDAVIT AS TO STATUS OF MINOR CHILD" (AOC-CV-609) MUST BE ATTACHED FOR EACH CHILD.
 PHẢI ĐÍNH KÈM MỘT BẢN SAO MẪU "BẢN KHAI HỮU THỆ VỀ HOÀN CẢNH CỦA TRẺ CHƯA THÀNH NIÊN" (AOC-CV-609) CHO MỖI TRẺ.**

Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth Ngày sinh	Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth Ngày sinh

8. (Fill in the block if you are asking for temporary child custody) The minor child(ren) listed in No 7. above is exposed to a substantial risk of physical or emotional injury or sexual abuse in that: (Describe in detail what happened that created a risk of physical or emotional injury or sexual abuse.)
 8. (Điền vào mục này nếu quý vị yêu cầu được giao quyền giám hộ con tạm thời) (Các) trẻ em chưa thành niên được liệt kê ở mục 7 trên có nhiều nguy cơ bị thương tổn thể chất, tinh thần hay bị lạm dụng tình dục, bởi vì: (Miêu tả chi tiết về những gì đã xảy ra mà gây nguy cơ cho (các) cháu bị thương tổn thể chất, tinh thần hay bị lạm dụng tình dục.)
9. The defendant has firearms and ammunition as described below, has a permit to purchase a firearm, and has a permit to carry a concealed weapon. (Describe all firearms, ammunition, gun permits and give identifying number(s) if known, and indicate where defendant keeps firearms and gun permits.)
 9. Bị cáo có súng và đạn như được miêu tả dưới đây, có giấy phép mua súng, và có giấy phép mang súng giấu trong người. (Miêu tả tất cả các loại súng, đạn được, giấy phép mang súng, và cho biết (các) mã số nhận dạng nếu biết được cũng như chỉ ra nơi bị cáo giữ súng và giấy phép mang súng.)
10. The defendant has used or threatened to use a deadly weapon against me or minor child(ren) in my custody or has a pattern of prior conduct involving the use or threatened use of violence with a firearm against any persons in that (Give specific dates and describe in detail what happened.)
 10. Bị cáo đã sử dụng hoặc đe dọa sử dụng súng để làm hại tôi hay (các) trẻ em chưa thành niên thuộc quyền giám hộ của tôi, hoặc đã từng nhiều lần có hành vi liên quan đến việc sử dụng hay đe dọa sử dụng súng để gây bạo lực với người khác, cụ thể như sau (Cho biết các ngày tháng cụ thể và miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra.)
11. The defendant has made threats to commit suicide in that (Give specific dates and describe in detail what happened.)
 11. Bị cáo đã đe dọa tự tử, cụ thể như sau (Cho biết các ngày tháng cụ thể và miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra.)

(Over)
 (Xem mặt sau)

Name Of Defendant
Tên bị cáo

**Because Of The Acts Of Domestic Violence By The Defendant, I Am Requesting That The Court Give Me The Following Relief:
Vi Các Hành Vi Bạo Lực Gia Đình Của Bị Cáo, Tôi Yêu Cầu Tòa Án Giúp Tôi Bằng Cách Ban Hành Những Lệnh Sau Đây:**

(Check only boxes that apply.)

(Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp.)

1. I want emergency relief.
1. Tôi cần lệnh khẩn cấp.
2. Since there is a danger of acts of domestic violence against me or my child(ren), I want an Ex Parte Order before notice of a hearing is given to the defendant.
 2. Vì tôi hay (các) con của tôi đang gặp nguy cơ bị bạo lực gia đình nên tôi muốn Tòa Án ra Lệnh Đơn Phương trước khi thông báo cho bị cáo biết về phiên tòa.
3. I want the Court to order the defendant not to assault, threaten, abuse, follow, harass or interfere with me and my child(ren).
 3. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cấm bị cáo hành hung, đe dọa, ngược đãi, theo dõi, quấy nhiễu hay làm phiền cho tôi và (các) con của tôi.
- 3a. I want the defendant ordered not to cruelly treat or abuse an animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household.
 3a. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cấm bị cáo ngược đãi hay đối xử tàn nhẫn với một con vật mà tôi, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ chúng tôi đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.
4. I want possession of our residence at the address listed below, and I want the defendant to move from and not return to the residence.
 4. Tôi muốn được quyền sống tại nhà của chúng tôi ở địa chỉ dưới đây, và tôi muốn bị cáo phải dọn ra khỏi và không trở lại nhà.

Address Of Residence
Địa chỉ nhà ở

5. I want the Court to order the eviction of the defendant from the residence listed above and I want assistance in returning to the residence.
 5. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh trục xuất bị cáo ra khỏi căn nhà nêu trên, và tôi muốn chính quyền hỗ trợ tôi để tôi có thể trở về ở nhà đó.
6. I want possession of the personal property such as clothing and household goods in the residence listed above except for the defendant's personal clothing, toiletries and tools of trade.
 6. Tôi muốn được quyền cầm giữ các tài sản cá nhân như là quần áo và đồ đạc gia dụng ở trong nhà nêu trên, trừ quần áo, dụng cụ vệ sinh cá nhân và đồ nghề riêng của bị cáo.
- 6a. I want the care, custody, and control of any animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household granted to me.
 6a. Tôi muốn Tòa Án giao cho tôi quyền chăm sóc, nuôi giữ và kiểm soát bất cứ con vật nào mà tôi, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ chúng tôi đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.
7. I want the defendant to be ordered not to come on or about:
 7. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cấm bị cáo bước chân vào hay đến gần:
- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> (a) my residence.
<input type="checkbox"/> (a) nhà ở của tôi. | <input type="checkbox"/> (b) any place where I am receiving temporary shelter.
<input type="checkbox"/> (b) bất cứ nơi nào mà tôi đang tạm trú. |
| <input type="checkbox"/> (c) the place where I work.
<input type="checkbox"/> (c) nơi làm việc của tôi. | <input type="checkbox"/> (d) any school(s) the child(ren) attend.
<input type="checkbox"/> (d) bất cứ trường nào mà (các) con tôi đang theo học. |
| <input type="checkbox"/> (e) the place where the child(ren) receives day care.
<input type="checkbox"/> (e) nơi trông giữ (các) con tôi. | <input type="checkbox"/> (f) the place where I go to school.
<input type="checkbox"/> (f) trường học của tôi. |
| <input type="checkbox"/> (g) Other: (name other places)
<input type="checkbox"/> (g) Nơi khác: (cho biết những nơi khác) | |

The child(ren) currently attend: (name school)

(Các) con tôi hiện đang theo học tại: (cho biết tên trường)

(Over)
(Xem mặt sau)

8. I want the defendant to be ordered to have no contact with me.
8. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cấm bị cáo tiếp xúc với tôi.
9. I want possession and use of the following vehicle:
9. Tôi muốn được quyền giữ và sử dụng chiếc xe dưới đây:

Describe Vehicle
Miêu tả chiếc xe

10. I want temporary custody of our minor child(ren) listed in this Complaint. I understand that I must file a separate child custody action for permanent custody.
10. Tôi muốn có quyền giám hộ tạm thời (các) con chưa thành niên được nêu tên trong Đơn Khiếu Tố này. Tôi hiểu rằng tôi phải nộp một đơn riêng về quyền giám hộ con để yêu cầu được quyền giám hộ vĩnh viễn.
11. I want the defendant to be ordered to make payments for the support of our minor child(ren), as required by law, but I understand it is only temporary and that I must file a separate child support action for regular, permanent child support.
11. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cho bị cáo phải trả tiền cấp dưỡng cho (các) con chưa thành niên của chúng tôi theo quy định luật pháp, nhưng tôi hiểu rằng lệnh này chỉ tạm thời và rằng tôi phải nộp một đơn riêng về tiền cấp dưỡng con để yêu cầu được trả tiền cấp dưỡng con thường xuyên và vĩnh viễn.
12. I want the Court to prohibit the defendant from possessing or purchasing a firearm.
12. Tôi muốn Tòa Án cấm bị cáo mua hay giữ súng.
13. I want the Court to order the defendant to surrender to the sheriff his/her firearms, ammunition, and gun permits to purchase a firearm and carry a concealed weapon.
13. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cho bị cáo phải mang nộp cho cảnh sát trưởng quận/hạt tất cả các khẩu súng, đạn dược, giấy phép mua súng và giấy phép mang súng giấu trong người của bị cáo.
14. I want the defendant to be ordered to attend an abuser treatment program.
14. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cho bị cáo phải tham gia vào một chương trình điều trị người bạo hành.
15. I want the defendant to be ordered to provide me and the child(ren) suitable alternative housing.
15. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cho bị cáo phải sắp xếp một nơi ở thích hợp khác cho tôi và (các) con.
16. I want the defendant to be ordered to make payments for my support as required by law, but I understand it is only temporary and that I must file a separate action for regular permanent spousal support.
16. Tôi muốn Tòa Án ra lệnh cho bị cáo phải trả tiền cấp dưỡng cho tôi theo quy định luật pháp, nhưng tôi hiểu rằng lệnh này chỉ tạm thời và rằng tôi phải nộp một đơn riêng để yêu cầu được trả tiền cấp dưỡng vợ/chồng thường xuyên.
17. Other: (specify)
17. Yêu cầu khác: (cho biết cụ thể)

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Plaintiff (Person Filing Complaint)
Tên của nguyên đơn (người nộp đơn khiếu tố)